

Số: 731./CSHB-CBTT
No.: 731./CSHB-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2025
Ho Chi Minh City, day 19 month 7 year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀ BÌNH

- Mã chứng khoán/ Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: HRC
- Địa chỉ/ *Address*: Ấp 7, xã Hoà Hội, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/ *Tel.*: 0254.3872104 Fax: 0254.3873495.
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: HỒ CÔNG DŨNG
- Chức vụ/ *Position*: Người được UQ CBTT.
- E-mail: horuco@horuco.com.vn.

- Loại thông tin công bố : định kỳ ☒ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu ☐
Information disclosure type: Periodic ☒ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand ☐

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*: Báo cáo tài chính Quý II năm 2025/
Financial report for the second quater of 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/7/2025 tại đường dẫn <http://horuco.com.vn> mục: QUAN HỆ CỔ ĐỒNG/ *This information was published on the company's website on 19/7/2025 (date), as in the link <http://horuco.com.vn> at item INVESTOR RELATIONS.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

Báo cáo tài chính Quý II năm 2025/
Financial report for the second quater of 2025.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BĐH, BKS "báo cáo";
- Lưu VT, TCHC

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Hồ Công Dũng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Xã Hòa Hội, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : 0254.3873482 – 3873496 – 3873497
Fax : (0254) 3873495



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Kính gửi :

Tháng 07/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2025	1 – 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2025	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2025	6 – 7
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý II năm 2025	8 - 30
5. Bảng phụ lục Vốn Chủ sở hữu Quý II năm 2025	31

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.522.249.801	110.401.324.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		38.271.764.972	75.015.205.172
1. Tiền	111	V.1	38.271.764.972	75.015.205.172
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.716.465.768	7.171.883.951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	666.467.265	6.857.279.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	406.770.000	285.570.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.013.728.503	5.399.534.485
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.370.500.000)	(5.370.500.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	32.534.019.061	27.383.666.199
1. Hàng tồn kho	141		32.534.019.061	27.383.666.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	830.569.665
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.7	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	830.569.665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		731.385.027.769	735.533.902.466
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		331.776.767.023	287.938.395.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	331.005.008.481	287.149.428.557
Nguyên giá	222	V.8	490.022.896.118	437.558.683.574
Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.8	(159.017.887.637)	(150.409.255.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	771.758.542	788.966.480
Nguyên giá	228	V.9	1.669.833.480	1.669.833.480
Giá trị hao mòn lũy kế	229	V.9	(898.074.938)	(880.867.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		156.620.771.384	207.478.552.863
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	156.620.771.384	207.478.552.863
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		238.504.630.000	236.538.195.751
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	238.504.630.000	238.504.630.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.966.434.249)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.482.859.362	3.578.758.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	4.482.859.362	3.578.758.815
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		804.907.277.570	845.935.227.453

này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		206.957.256.887	242.749.905.429
I. Nợ ngắn hạn	310		139.158.842.091	174.951.490.633
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	6.492.158.260	4.996.806.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	4.155.128.630	535.398.639
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	2.577.093.649	6.842.375.609
4. Phải trả người lao động	314	V.18	5.636.604.277	11.527.732.837
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	277.354.996	1.353.510.601
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	1.996.677.860	5.647.037.782
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	106.139.507.764	134.997.898.625
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		11.884.316.655	9.050.729.833
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch lại mua bán trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		67.798.414.796	67.798.414.796
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	64.707.662.779	64.707.662.779
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế và thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.090.752.017	3.090.752.017

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

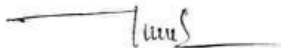
Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		597.950.020.683	603.185.322.024
I. Vốn chủ sở hữu	410		597.950.020.683	603.185.322.024
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	302.066.220.000	302.066.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		302.066.220.000	302.066.220.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	(5.532.575.581)	(5.532.575.581)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	262.146.473.779	243.726.473.779
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	39.269.902.485	62.925.203.826
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.520.203.826	1.524.087.491
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.749.698.659	61.401.116.335
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		804.907.277.570	845.935.227.453



Nguyễn Thị Huyền Trân
Lập biểu



Nguyễn T Kiều Diễm Anh
Phụ trách Tài chính - Kế toán



Hòa Hội, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Nguyễn Chơn Cường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.460.548.598	18.286.247.248	VII.1	96.808.911.417	47.153.133.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.460.548.598	18.286.247.248		96.808.911.417	47.153.133.327
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	54.196.670.387	14.740.478.584	VII.3	83.548.245.644	40.917.378.789
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.263.878.211	3.545.768.664		13.260.665.773	6.235.754.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	243.591.309	73.181.684	VII.4	326.452.427	198.956.567
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	883.636.364	1.800.541.070	VII.5	3.928.807.680	4.816.711.396
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.759.988.613	1.672.836.655		5.762.989.929	4.689.006.981
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	527.964.473	330.991.890	VII.6	774.525.305	682.205.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.498.749.326	2.602.882.938	VII.7	5.694.994.888	4.287.188.621
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.597.119.357	(1.115.465.550)		3.188.790.327	(3.351.393.977)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.971.142.810	1.686.714.880	VII.8	2.201.099.333	4.388.796.031
12. Chi phí khác	32	VI.9	35.480.632	72.056.812	VII.9	72.568.632	126.091.062
13. Lợi nhuận khác	40		1.935.662.178	1.614.658.068		2.128.530.701	4.262.704.969
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.532.781.535	499.192.518		5.317.321.028	911.310.992
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		210.714.469	-		567.622.369	0
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.322.067.066	499.192.518		4.749.698.659	911.310.992
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		110	17	VII.10	157	30

Nguyễn Thị Huyền Trân
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kiều Diễm Anh
Phụ trách Tài chính - Kế toán

Nguyễn Chơn Cường
Tổng Giám đốc



Hòa Hội, ngày 18 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý II Năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
1	2	3	Năm nay	Năm trước
I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.644.313.584	131.764.046.357
2.Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(63.975.927.504)	(40.303.040.833)
3.Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.732.031.358)	(25.641.583.981)
4.Tiền lãi vay đã trả	04		(6.357.582.869)	(4.919.595.137)
5.Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.973.986.059)	
6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.597.021.761	4.296.606.214
7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.052.006.728)	(14.971.242.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.850.199.173)	50.225.190.220
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.067.865.746)	(6.006.122.963)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.042.803	8.417.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.037.822.943)	(5.997.705.173)

Quý II năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		85.505.277.706	67.108.387.902
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(114.363.668.567)	(115.730.038.933)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.858.390.861)	(48.621.651.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(36.746.412.977)	(4.394.165.984)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		75.015.205.172	17.971.475.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.972.777	4.307.819
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		38.271.764.972	13.581.617.708

Hòa Bình, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Nguyễn Thị Huyền Trân
Lập biểu

Nguyễn T Kiều Diễm Anh
Phụ trách Tài chính - Kế toán

Nguyễn Chơn Cường
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Nông trường cao su Hòa Bình và Nhà máy chế biến cao su Hòa Bình – bộ phận doanh nghiệp Nhà Nước Công ty cao su Bà Rịa theo Quyết định số 5360/QĐ-BNN-TCCB ngày 05 tháng 12 năm 2003.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 4 năm 2004, và các lần sửa đổi:

- Đăng ký sửa đổi lần thứ 1, ngày 1 tháng 3 năm 2007;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 2, ngày 7 tháng 5 năm 2008;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 3, ngày 20 tháng 5 năm 2011;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 4, ngày 22 tháng 7 năm 2011;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 5, ngày 15 tháng 8 năm 2011;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 6, ngày 24 tháng 11 năm 2014;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 7, ngày 22 tháng 09 năm 2015;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 8, ngày 15 tháng 09 năm 2016.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 9, ngày 18 tháng 04 năm 2018.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 10, ngày 27 tháng 10 năm 2020.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 11, ngày 09 tháng 7 năm 2021.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 12, ngày 09 tháng 8 năm 2022.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 13, ngày 03 tháng 10 năm 2022.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 14, ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 02 năm 2025, Vốn điều lệ của Công ty là : 302.066.220.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 30.206.622 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại Ấp 7, xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh là sản xuất công nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ cao su;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên);
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch: Sơ chế mù cao su;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gỗ cây cao su và gỗ cao su chế biến;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính

Công ty hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam. Giá bán sản phẩm theo giá mua và tình hình tiêu thụ cao su của thế giới. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh và tài chính không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính. Công ty hoạt động liên tục, không có sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có Công ty con; Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Mọi thông tin trên báo cáo tài chính đều so sánh được. Không có yếu tố làm ảnh hưởng đến khả năng so sánh số liệu trên báo cáo tài chính của đơn vị.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Đối với các khoản giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh theo tỷ giá giao dịch thực tế do Ngân hàng thương mại giao dịch công bố. Sử dụng tỷ giá mua bình quân của các Ngân hàng Thương mại có phát sinh giao dịch công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc nơi đơn vị mở tài khoản

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

Trường hợp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch hoặc tỷ giá mua do Ngân hàng Thương mại giao dịch công bố tại thời điểm phát sinh để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhóm tài sản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời theo dõi chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ.

Số dư cuối năm của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bình quân của các Ngân hàng Thương mại có phát sinh giao dịch công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm hoặc nơi đơn vị mở tài khoản.

3. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng tài sản cố định là vườn cây cao su được trích theo Quyết định 221/QĐ-TCKT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 11
Máy móc và thiết bị	06 – 30
Thiết bị văn phòng	20 – 30
Phương tiện vận tải	08 – 11
Vườn cây cao su	3,64 – 19,72
Tài sản khác	05 – 20

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng lô đất là 38 năm.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ, chi phí vườn nhân, vườn ươm bầu.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Các chi phí vườn giống cao su được phân bổ vào chi phí sản xuất cây giống theo phương pháp số lượng cây giống sản xuất hàng năm với thời gian phân bổ không quá 8 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Là các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của Công ty. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phản ánh cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính từ 12 tháng trở xuống được phản ánh khoản nợ vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản vay, nợ thuê tài chính trên 12 tháng phản ánh dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay liên quan trực tiếp đến khoản vay như chi phí thẩm định, lập hồ sơ vay vốn ... được hạch toán vào chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi ngân hàng và các khoản cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập khác

Khoản tiền bán thanh lý tài sản cố định và các khoản thu nhập khác: thu tiền bồi thường, các khoản tiền thưởng, các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Là giá trị vốn của sản phẩm mủ cao su bán ra trong kỳ. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa. Bao gồm các khoản chi phí: Chi phí quảng cáo, chi phí bao bì, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác ...

Chi phí quản lý

Các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí tiền lương và các khoản phục cấp trả cho nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản quản lý, chi phí vận phòng phẩm, công cụ, dụng cụ phục vụ cho quản lý, tiền thuê đất, chi phí mua ngoài và bằng tiền khác ...

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% đối với hoạt động kinh doanh mù cao su, các hoạt động khác nộp thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐ KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	38.271.764.972	75.015.205.172
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	38.271.764.972	75.015.205.172

2. Các khoản đầu tư tài chính:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Cộng	-	-

3. Phải thu khách hàng:

Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Weber & Schaer	-	5.546.891.646
Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	-	-
Công ty CP cao su Xuân Lộc	-	285.861.545
Công ty TNHH Ngân Phong Phú	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP cao su Thống Nhất	211.387.365	954.709.875
Công ty TNHH Cao Su Mỹ Duyên	455.079.900	69.816.400
Cộng	666.467.265	6.857.279.466
Trong đó: Phải thu KH liên quan	-	-
Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	-	-

4. Trả trước cho người bán:

Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH ĐDBĐ & DV cây xanh Thành Lợi	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH TM DV Tân Thành Phát	141.570.000	141.570.000
Công ty TNHH Thái Hưng Infotech	60.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng & MT thể kỷ Xanh	61.200.000	-
Cộng	406.770.000	285.570.000

5. Các khoản phải thu khác :

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.399.534.485	-	5.399.534.485	-
Phải thu về tiền đền bù thiệt hại từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.370.500.000	-	5.370.500.000	-
Công ty TNHH Sx Trầm hương Việt Nam	1.184.803.200	-	-	-
Phải thu khác	458.425.303	-	29.034.485	-
Cộng	7.013.728.503	-	5.399.534.485	-

6. Nợ xấu:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu Công ty CP JANBEE	5.370.500.000	-	5.370.500.000	-
Cộng	5.370.500.000	-	5.370.500.000	-

Khoản phải thu do hợp tác đầu tư nay quá hạn thanh toán trên 03 năm

7. Hàng tồn kho:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.565.183.159	-	565.116.103	-
Công cụ, dụng cụ	346.604.057	-	301.913.459	-
Thành phẩm	19.741.033.913	-	21.878.329.982	-
Hàng hóa	10.771.133.285	-	-	-
Nguyên liệu khai thác mỏ	110.064.647	-	4.638.306.655	-
Cộng	32.534.019.061	-	27.383.666.199	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác:**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tài sản cố định phúc lợi	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	57.778.135.288	11.208.878.648	8.496.951.742	319.272.222	358.058.230.200	1.697.215.474	437.558.683.574
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành					52.464.212.544		52.464.212.544
Tăng do mua mới							
Tăng khác							
Giảm do thanh lý, nhượng bán							
Giảm khác						0	0
Số cuối kỳ	57.778.135.288	11.208.878.648	8.496.951.742	319.272.222	410.522.442.744	1.697.215.474	490.022.896.118
Trong đó:							
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	50.343.476.409	9.450.313.511	6.115.307.835	319.272.222	82.483.669.566	1.697.215.474	150.409.255.017
Tăng do khấu hao trong kỳ	702.954.926	196.142.272	145.584.612		7.563.950.810		8.608.632.620
Tăng khác							0
Giảm do thanh lý, nhượng bán							0
Giảm khác							0
Số cuối kỳ	51.046.431.335	9.646.455.783	6.260.892.447	319.272.222	90.047.620.376	1.697.215.474	159.017.887.637
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	7.434.658.879	1.758.565.137	2.381.643.907	0	275.574.560.634	0	287.149.428.557
Số cuối kỳ	6.731.703.953	1.562.422.865	2.236.059.295	0	320.474.822.368	0	331.005.008.481

- Vườn cây cao su có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 410.522.442.744 VNĐ và 320.474.822.368 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng SHB;
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.717.742.640 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.517.998.480	151.835.000	1.669.833.480
Phát sinh tăng trong kỳ			
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối kỳ	1.517.998.480	151.835.000	1.669.833.480
Giá trị hao mòn lũy kế			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Số đầu năm	729.032.000	151.835.000	880.867.000
Phát sinh tăng trong kỳ	17.207.938		17.207.938
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối kỳ	746.239.938	151.835.000	898.074.938
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	788.966.480		788.966.480
Số cuối kỳ	771.758.542		771.758.542

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 151.835.000 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	2.546.605.860	125.861.360	-	-	2.672.467.220
- Công trình kiến trúc khác	506.050.135	-	-	-	506.050.135
- Kiến thiết cơ bản khác	2.027.894.306	125.861.360	-	-	2.153.755.666
Vườn cây KT cơ bản	204.931.947.003	1.480.569.705	52.464.212.544	-	153.948.304.164
Cộng	207.478.552.863	1.606.431.065	52.464.212.544	-	156.620.771.384

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:**13. Đầu tư dài hạn khác:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Góp vốn Cty CP cao su Việt Lào (Số vốn góp 109,25 tỷ tương ứng 14,1% vốn Điều lệ)		109.250.000.000		109.250.000.000
- Cổ phần Cty CP XD cao su Đồng Nai: 266.666CP, tương ứng 12,5% vốn Điều lệ	266.666	2.492.600.000	200.000	2.492.600.000
- Góp vốn Công ty CP cao su Lai Châu (Số vốn phải góp 31,12 tỷ, tương ứng 3,16% vốn Điều lệ)		31.162.030.000		31.162.030.000
- Góp vốn Cty CP cao su Bà Rịa – KPT (Số vốn phải góp 95 tỷ, tương ứng 13,5% vốn Điều lệ)		95.000.000.000		95.000.000.000
- Góp vốn Cty CP địa ốc MB (Số vốn phải góp 0,6 tỷ, tương ứng 0,09 % vốn Điều lệ)	62.100	600.000.000	62.100	600.000.000
Cộng		238.504.630.000		238.504.630.000

14. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DP Góp vốn Công ty CPCS Việt Lào (Số vốn góp 109,25 tỷ, tương ứng 14,10% VDL)	0	(1.966.434.249)
Cộng	0	(1.966.434.249)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước.

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Ngắn hạn	-	-	-	-	-
- Chi phí trả trước tiền thuê đất	-	-	-	-	-
- Chi phí trả trước CCDC quản lý	-	-	-	-	-
Dài hạn	3.578.758.815	2.213.430.243	1.309.329.696	-	4.482.859.362
- Chi phí công cụ dụng cụ QL	348.578.345	395.424.063	128.645.975	-	615.356.433
- Chi phí công cụ dụng cụ NN	2.927.816.581	1.640.530.254	1.070.973.911	-	3.497.372.924
- Chi phí công cụ dụng cụ NM	302.363.889	84.475.926	109.709.810	-	277.130.005
- Chi phí thuê đất làm đường nước NMHB	-	93.000.000	-	-	93.000.000
- Chi phí vườn Dó bầu	-	-	-	-	-
Cộng	3.578.758.815	2.213.430.243	1.309.329.696	-	4.482.859.362

16. Vay và nợ thuê tài chính.

	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
a. Vay ngắn hạn	106.139.507.764	106.139.507.764	85.505.277.706	114.363.668.567	134.997.898.625	134.997.898.625
Vay NH NN&PTNT Châu Đức, BRVT	32.230.298.964	32.220.298.964	37.661.717.037	39.192.028.657	33.760.610.584	33.760.610.584
Vay NH TMCP Sài Gòn-Hà Nội	47.843.560.669	47.843.560.669	47.843.560.669	45.688.695.396	45.688.695.396	45.688.695.396
Vay trung hạn đến hạn trả- NH Sài Gòn-Hà Nội	-	-	-	401.314.085	401.314.085	401.314.085
Vay dài hạn đến hạn trả- NH Sài Gòn-Hà Nội	18.993.556.934	18.993.556.934	-	6.229.790.784	25.223.347.718	25.223.347.718
Vay NH Vietcombank - CN.Tp.HCM	7.072.091.197	7.072.091.197	-	22.851.839.645	29.923.930.842	29.923.930.842
b. Vay Trung, dài hạn	64.707.662.779	64.707.662.779	-	0	64.707.662.779	64.707.662.779
Vay TH NH TMCP Sài Gòn-Hà Nội	-	-	-	-	-	-
Vay DH NH TMCP Sài Gòn-Hà Nội	64.707.662.779	64.707.662.779	-	-	64.707.662.779	64.707.662.779
Cộng	170.847.170.543	170.847.170.543	85.505.277.706	114.363.668.567	199.705.561.404	199.705.561.404

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả người bán:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Ngân Phong Phú	-	-	60.059.820	60.659.820
Trung Tâm Y tế Cao su	180.800.000	180.800.000	-	-
Lê Mậu Thân	-	-	183.264.500	183.264.500
Công ty TNHH Hóa nhựa Đông Dương	-	-	240.000.000	240.000.000
Công ty CP Cao Su Thống Nhất	5.429.592.000	5.429.592.000	-	-
Công ty CP đầu tư ACC55	-	-	-	-
Công ty CP Cơ khí nhiệt Á Long	107.567.058	107.567.058	282.977.805	282.977.805
Công ty TNHH TM Cao su Thành Long	-	-	1.824.690.280	1.824.690.280
Công ty TNHH Tín Thành	108.000.000	108.000.000	-	-
Công ty TNHH Hưng Phát Thành	64.689.840	64.689.840	39.074.400	39.074.400
Viện nghiên cứu Lâm Sinh	-	-	303.450.000	303.450.000
Công ty TNHH TMXS vị ngọt Happy	-	-	257.112.000	257.112.000
Công ty CP cao su Bà Rịa	-	-	102.429.600	102.429.600
Nguyễn Văn Thanh	182.784.027	182.784.027	315.113.890	315.113.890
CTy TVKT XD Phú Thành	-	-	319.930.084	319.930.084
Các đối tượng khác	418.725.335	418.725.335	1.068.704.328	1.068.704.328
Cộng	6.492.158.260	6.492.158.260	4.996.806.707	4.996.806.707
<i>Trong đó: Phải trả các bên LQ</i>	-	-	-	-
Công ty CP cao su Bà Rịa	-	-	102.429.600	102.429.600
Trung Tâm Y tế Cao su	180.800.000	180.800.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Người mua trả tiền trước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trả trước của các khách hàng khác	4.155.128.630	535.398.639
Công ty TNHH SX cao su Liên Anh	3.619.728.000	-
Công ty TNHH TM Dịch vụ Đại Thành Lộc	497.346.000	497.346.000
Các Công ty khác	38.054.630	38.052.639
Cộng	4.155.128.630	535.398.639

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.345.764.989	1.207.658.688	1.805.699.191	747.724.486
Thuế thu nhập DN	5.478.264.476	567.622.369	5.973.986.059	71.900.786
Thuế thu nhập cá nhân	18.033.784	141.287.512	147.970.284	11.351.012
Tiền thuê đất	(830.569.665)	2.758.895.670	182.386.000	1.745.940.005
Các loại thuế khác	312.360	17.100.320	17.235.320	177.360
Cộng	6.011.805.944	4.692.564.559	8.127.276.854	2.577.093.649

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Bán vật tư, phế liệu	5% & 10%
Bán mũ cao su nội địa, gia công chế biến mũ cao su	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%
Bán cây gãy đổ, thanh lý cây cao su	Không chịu thuế

Thuế TNDN cuối kỳ bị âm là số nộp thừa. Thuế GTGT bị âm là thuế GTGT còn được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.532.781.535	499.192.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	69.805.073	94.524.686
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.966.434.249	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chuyển lỗ tính thuế năm trước sang	-	22.521.882.305
Tổng thu nhập chịu thuế	1.636.152.359	(21.928.165.101)
Thuế thu nhập DN dự tính phải nộp	-	-
Thuế thu nhập DN của các năm trước được tính lại năm nay	-	-
Thuế thu nhập DN được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	210.714.469	-

Các loại thuế khác

Là khoản thuế môn bài và thuế tài nguyên năm 2025, Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương công nhân viên	5.636.604.277	11.527.732.837
Phải trả người lao động khác		
Cộng	5.636.604.277	11.527.732.837

21. Chi phí phải trả:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Chi phí kiểm toán	80.000.000	135.000.000
Chi phí lãi vay	197.354.996	268.005.688
Các khoản chi phí khác	0	950.504.913
Cộng	277.354.996	1.353.510.601

22. Phải trả khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.677.350.551	5.231.756.000
Phải trả chế độ liên quan người lao động	319.327.309	415.281.782
Các khoản khác	0	0
Cộng	1.996.677.860	5.647.037.782

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu xem phụ lục kèm theo

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Công ty mẹ)	166.320.000.000	166.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	135.746.220.000	135.746.220.000
Thặng dư vốn cổ phần	(5.532.575.581)	(5.532.575.581)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**QUÝ II NĂM 2025****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	296.533.644.419	296.533.644.419
Cổ phiếu		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.206.622	30.206.622
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.206.622	30.206.622
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.206.622	30.206.622
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.206.622	30.206.622
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.206.622	30.206.622

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán:

1. Ngoại tệ USD: 40.775,81 USD.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II NĂM 2025**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
Doanh thu thành phẩm cao su	41.568.222.498	13.514.731.248
<i>Trong đó: Doanh thu cao su mua NL</i>	<i>510.020.824</i>	<i>3.283.847.512</i>
Doanh thu hàng hóa mũ cao su	17.691.004.800	4.323.110.400
Doanh thu dịch vụ (gia công cao su)	201.321.300	448.405.600
Cộng	59.460.548.598	18.286.247.248
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan:</i>		<i>8.942.744.000</i>
<i>Công ty CP VRG Nhật Bản</i>		<i>2.784.096.000</i>
<i>Tập đoàn CN cao su Việt Nam - CTCP</i>	<i>-</i>	<i>6.158.678.400</i>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
Chiết khấu thương mại	-	-
Cộng	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**QUÝ II NĂM 2025**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm cao su	36.566.736.255	10.447.453.327
<i>Trong đó: Giá vốn thành phẩm cao su thu mua</i>	<i>552.873.058</i>	<i>2.770.744.025</i>
Giá vốn hàng hóa mù cao su	17.437.365.932	3.885.316.857
Giá vốn khác (gia công cao su)	192.568.200	407.708.400
Cộng	54.196.670.387	14.740.478.584

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	15.723.532	4.108.913
Cổ tức được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	227.867.777	69.072.771
Cộng	243.591.309	73.181.684

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Trả lãi tiền vay	2.759.988.613	1.672.836.655
Chi phí dự phòng tài chính	(1.966.434.249)	127.704.415
Chi phí khác	-	-
Chi phí chênh lệch tỷ giá	90.082.000	-
Cộng	883.636.364	1.800.541.070

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	358.884.288	148.628.258
Chi phí vận chuyển, bốc vác	77.848.080	76.277.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	18.219.730
Chi phí khác	91.232.105	87.866.182
Cộng	527.964.473	330.991.890

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.033.833.669	1.346.183.492
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.050.000	17.752.417
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.860.000	19.850.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.822.999	66.834.034
Thuế, phí, lệ phí	102.881.981	126.039.908
Quỹ trợ cấp mất việc làm	114.236.700	178.306.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.006.014	169.492.050
Chi phí khác	841.057.963	678.424.451
Cộng	2.498.749.326	2.602.882.938

8. Thu nhập khác

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Thu nhập thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	43.884.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý cây keo lai	-	-
Thu nhập từ bán tận thu phế phẩm	-	133.056.000
Thu khác (Nhượng bán vật tư, liên kết,...)	1.967.147.810	1.509.774.880
Cộng	1.971.142.810	1.686.714.880

9. Chi phí khác

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí từ cây cao su thanh lý	-	-
Chi phí khác (Nhượng bán vật tư, khác,...)	35.480.632	72.056.812
Cộng	35.480.632	72.056.812

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT	3.322.067.066	499.192.518
Lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu CP P/thông	3.322.067.066	499.192.518
Cổ phiếu P/thông đang lưu hành BQ trong năm	30.206.622	30.206.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110	17

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.206.622	30.206.622
Cổ phiếu phổ thông tăng trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.206.622	30.206.622

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.921.313.119	666.775.437
Chi phí nhân công	12.156.625.422	5.132.375.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.373.176.776	2.778.267.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.928.176.641	263.989.500
Chi phí khác	6.843.935.229	5.018.012.288
Cộng	28.223.227.187	13.859.420.267

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

5.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:

Công ty không có phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

5.2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ điều được sử dụng, không bị hạn chế.

5.3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 85.505.277.706 đồng

5.4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 114.363.668.567 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

1. Kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo cáo (Quý II/2025 và Quý II/2024):

Số TT	Chỉ tiêu	Quý II/2025	Quý II/2024	So sánh quý II/2025& quý II/2024 (+/-)
1	Hoạt động chính	2.237.164.412	611.893.836	1.625.270.576
2	Hoạt động tài chính	(640.045.055)	(1.727.359.386)	1.087.314.331
3	Hoạt động khác	1.935.662.178	1.614.658.068	321.004.110
	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.532.781.535	499.192.518	3.033.589.017
	Tổng lợi nhuận sau thuế	3.322.067.066	499.192.518	2.822.874.548

Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2025 so với quý II năm 2024 tăng 2.822.874.548 đồng. Nguyên nhân chủ yếu tăng lợi nhuận giữa hai quý như sau:

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính quý II/2025 tăng so với quý II/2024 là 1.625.270.576 đồng, Nguyên nhân do giá bán tăng, quý II/2025 đạt 52,83 triệu đồng/tấn, quý II/2024 là 41,73 triệu đồng/tấn.

+ Lợi nhuận hoạt động tài chính quý II/2025 so với quý II/2024 tăng 1.087.314.331 đồng. Nguyên nhân tăng do quý II năm 2025 hoàn nhập dự phòng Cty CP Cao Su Việt Lào

+ Lợi nhuận khác quý II/2025 so với quý II/2024 tăng 321.004.110 đồng. Nguyên nhân tăng do quý II năm 2025 phát sinh khoản thu tiền hỗ trợ chương trình phát triển bền vững từ quỹ bảo hiểm cao su..

2. Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2025:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt:

Thù lao, tiền lương thưởng của Hội đồng quản trị như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Khắc Chung	Chủ tịch HĐQT	-	14.400.000
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT	-	9.600.000
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên HĐQT	-	9.600.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Phước Tiên	Thành viên HĐQT	-	9.600.000
Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	166.114.246	183.373.945
Cộng		166.114.246	226.573.945

Thù lao, tiền lương thưởng của Ban kiểm soát như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Minh Đợi	Trưởng BKS	159.528.038	154.009.470
Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên	-	7.200.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Thu	Thành viên	-	7.200.000
Cộng		159.528.038	168.409.470

Thu nhập của viên chức quản lý như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Quang Khải	Phó TGD – PT.ĐH	182.171.460	200.444.048
Ông Nguyễn Chơn Cường	Phó TGD	157.846.957	190.060.078
Cộng		340.018.417	390.504.126

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam- CTCP	Công ty mẹ
Tạp chí cao su Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Viện Nghiên cứu cao su Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần xuất khẩu cao su VRG Nhật Bản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP cơ khí cao su	Công ty cùng Tập đoàn
Trung tâm y tế cao su	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP cao su Việt Lào	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP cao su Bà Rịa – Kampong Thom	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư XD cao su Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Đơn vị	Nội dung giao dịch	Số tiền (đồng)
1. Công ty CP Xuất khẩu cao su VRG Nhật Bản		
	Phải thu tiền bán hàng	2.487.240.000
	Đã thu tiền bán hàng	2.487.240.000
2. Viện Nghiên cứu cao su Việt Nam		
	Phải trả tiền mua vật tư, HC..	97.152.000
	Đã trả tiền mua vật tư, hóa chất	97.152.000
3. Công Ty CP Cao Su Bà Rịa		
	Phải trả tiền gia công	760.754.400
	Đã trả tiền gia công	863.184.000
4. Trung tâm y tế cao su		
	Phải trả tiền khám sức khỏe	180.800.000
	Chưa trả tiền khám sức khỏe	180.800.000

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa một trong 03 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	38.271.764.972	75.015.205.172	38.271.764.972	75.015.205.172
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	238.504.630.000	238.504.630.000	238.504.630.000	238.504.630.000
Trong đó:				
Các khoản đầu tư dài hạn	238.504.630.000	238.504.630.000	238.504.630.000	238.504.630.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	666.467.265	6.857.279.466	666.467.265	6.857.279.466
Các khoản phải thu khác	7.420.498.503	5.685.104.485	7.420.498.503	5.685.104.485
Cộng	284.863.360.740	326.062.219.123	284.863.360.740	326.062.219.123
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	170.847.170.543	199.705.561.404	170.847.170.543	199.705.561.404

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả cho người bán	6.492.158.260	4.996.806.707	6.492.158.260	4.996.806.707
Phải trả cho người lao động	5.636.604.277	11.527.732.837	5.636.604.277	11.527.732.837
Chi phí phải trả	277.354.996	1.353.510.601	277.354.996	1.353.510.601
Các khoản phải trả khác	1.996.677.860	5.647.037.782	1.996.677.860	5.647.037.782
Cộng	185.249.965.936	223.230.649.331	185.249.965.936	223.230.649.331

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Do đó Công ty không tính dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố tại ngày 30/06/2025. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty chỉ giao dịch với những khách hàng có uy tín và khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nên rủi ro tín dụng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Điều hành cân đối luồng tiền phù hợp với thời gian của các hợp đồng thanh toán nợ phải trả và khoản vay ngắn hạn, dài hạn đến thời kỳ phải trả.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số đầu năm			
Vay và nợ	134.997.898.625	64.707.662.779	199.705.561.404
Phải trả cho người bán	4.996.806.707	-	4.996.806.707
Phải trả cho người lao động	11.527.732.837	-	11.527.732.837
Chi phí phải trả	1.353.510.601	-	1.353.510.601
Các khoản phải trả khác	5.647.037.782	-	5.647.037.782
Cộng	158.522.986.552	64.707.662.779	223.230.649.331
Số cuối năm			
Vay và nợ	106.139.507.764	64.707.662.779	170.847.170.543

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả cho người bán	6.492.158.260	-	4.996.806.707
Phải trả cho người lao động	5.636.604.277	-	11.862.337.986
Chi phí phải trả	277.354.996	-	2.712.003.786
Các khoản phải trả khác	1.996.677.860	-	1.457.871.916
Cộng	120.542.303.157	64.707.662.779	185.249.965.936

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty là do các khoản tiền USD thu được từ bán hàng hóa ra nước ngoài và khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng. Tuy nhiên, với sự theo dõi sát sạt sự biến của tỷ giá hối đoái của Ban Tổng Giám đốc Công ty và việc thả nổi giá ngoại tệ nhưng có kiểm soát của Nhà nước thì rủi ro ngoại tệ là thấp.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường và thỏa thuận vay để có được lãi suất lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng thiết lập hạn mức đầu tư và chỉ đầu tư tập trung vào công ty có kinh doanh cùng ngành nghề với công ty.

a. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả HĐ kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	9,13%	5,59%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	90,86%	94,41%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,71%	31,6%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,28%	68,3%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,29	0,17
Tỷ suất sinh lời			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

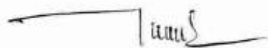
Địa chỉ: Xã Hòa Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,49%	1,93%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,90%	1,93%
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,66%	0,15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,59%	0,15%
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	0,79%	0,17%

Nguyễn Thị Huyền Trân
Người Lập biểuNguyễn Thị Kiều Diễm Anh
Phụ trách Tài chính – Kế toánHòa Hội, ngày 18 tháng 7 năm 2025
Nguyễn Chơn Cường
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

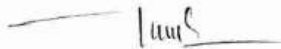
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn Chủ sở hữu

Khoản Mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
- Số dư đầu năm nay	302.066.220.000	(5.532.575.581)	236.470.253.386	-	16.977.860.701	552.144.620.689
- Lợi nhuận năm 2024					61.401.116.335	61.401.116.335
- Trích lập quỹ đầu tư PT từ lợi nhuận năm 2023			5.093.358.210		(5.093.358.210)	-
- Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023					(10.360.415.000)	(10.360.415.000)
- Chia cổ phiếu thưởng từ Quỹ ĐTPT					-	-
Số dư cuối năm trước	302.066.220.000	(5.532.575.581)	243.726.473.779	-	62.925.203.826	603.185.322.024
- Số dư đầu năm nay	302.066.220.000	(5.532.575.581)	243.726.473.779		62.925.203.826	603.185.322.024
- Lợi nhuận trong kỳ này					4.763.659.674	4.763.659.674
- Trích lập quỹ đầu tư PT từ lợi nhuận năm 2023			18.420.000.000		(18.420.000.000)	-
- Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023					(9.985.000.000)	(9.985.000.000)
- Chia cổ phiếu thưởng từ Quỹ ĐTPT					-	-
Số dư cuối năm nay	302.066.220.000	(5.532.575.581)	262.146.473.779	-	39.283.863.500	597.963.981.698



Nguyễn Thị Huyền Trân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kiều Diễm Anh
Phụ trách Tài chính – Kế toán



Nguyễn Chơn Cường
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

